

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Phạm Thị Hà
Tổ : Ngữ văn, KHBD khối 11
Ngày soạn: 20/12/2025
Ngày dạy: Tuần 17
Tiết 51 ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I-11

I.MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I,NGŨ VĂN 11, NĂM HỌC 2025-2026
1. Ma trận:

TT	Kĩ năng	Nội dung / đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	Văn bản nghị luận	2 15%	3 30%	0	1 15%	8 60%
2	Viết		*	*	*	*	1 40%
		Viết bài văn nghị luận xã hội					
Tỉ lệ			25%	45%	5%	25%	100
Tổng			70%		30%		

2.Bảng đặc tả.

TT	Nội dung kiến thức/ Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Văn bản nghị luận	Nhận biết - Nhận biết từ ngữ, hình ảnh, thái độ người viết; - Nhận biết các phương thức biểu đạt được sử dụng ... Thông hiểu	2	3	1		6

			- Phân tích tác dụng biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. - Hiểu được nội dung, mục đích của văn bản; quan điểm của tác giả; mối quan hệ giữa mục đích và kết quả trong văn bản... Vận dụng - Rút ra được những bài học, thông điệp cho bản thân. - Nêu được quan điểm, nhận thức riêng của cá nhân.					
2	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (con người với cuộc sống xung quanh)	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. -Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. -Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. - Sử dụng kết hợp các yếu tố phụ trợ một cách linh hoạt và hiệu quả. Vận dụng cao:	*	*	*	*	1

			- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội.					
Tổng								7
Tỉ lệ %				25%	45%	15%	15%	100%
Tỉ lệ chung				70%		30%		100%

II. CÁCH THỨC TRẢ LỜI PHẦN ĐỌC HIỂU:

-Câu hỏi về phương thức biểu đạt

Cách trả lời:

- Xác định phương thức chính → Nghị luận
- Có thể ghi thêm: *kết hợp tự sự, biểu cảm* (nếu có)

-Câu hỏi xác định luận đề, luận điểm:

Dựa vào cách thức nghị luận

Dựa vào cách đặt câu hỏi

Dựa vào số liệu có sẵn trong đề...

-Câu hỏi về biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp...)

Cách trả lời chuẩn 3 ý:

1. Chỉ ra biện pháp tu từ
2. Nêu tác dụng về nội dung
3. Nêu tác dụng về nghệ thuật...

-Câu hỏi “Vì sao tác giả cho rằng...?”

Cách làm:

- Trả lời theo logic **nguyên nhân – kết quả**
- Bám sát nội dung văn bản, không suy diễn quá xa

-Câu hỏi rút ra thông điệp, ý nghĩa

Cách trả lời:

- Nêu 2–3 ý chính
- Trình bày ngắn gọn, rõ ràng

-Câu hỏi rút ra bài học (đoạn văn ngắn)

Cách viết:

- Viết 4–6 câu
- Có đủ: **bài học – ý nghĩa – liên hệ bản thân**

...

III. HỆ THỐNG HÓA CÁC KIẾN THỨC ĐÃ HỌC VỀ BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

(Hs xem lại yêu cầu phân viết)

IV. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

ĐỀ

I. Đọc hiểu (6đ)

Đọc đoạn trích sau:

Ngày xưa, để thử sức một con ngựa chiến, người ta không cho nó chạy trên đồng bằng êm ả mà đưa nó vượt qua những con dốc cao, những quãng đường gập ghềnh sỏi đá. Con ngựa nào vẫn giữ được bước chạy mạnh mẽ, không chùn chân trước khó khăn thì mới được chọn làm chiến mã. Chính những chặng đường khắc nghiệt ấy đã tôi luyện nên sức bền và bản lĩnh của nó.

Cuộc đời con người cũng vậy. Không ai có thể đi đến thành công mà chưa từng trải qua thử thách. Mỗi khó khăn ta gặp phải đều là một phép thử của ý chí và nghị lực. Nếu vì sợ hãi mà lùi bước, ta sẽ mãi dừng lại ở vạch xuất phát. Chỉ khi dám tiến lên, chấp nhận va đập và tổn thương, con người mới có thể trưởng thành.

Thành công không đến trong một sớm một chiều. Nó giống như việc leo lên một ngọn núi cao, từng bước chân nhỏ bé tưởng như không đáng kể nhưng nếu kiên trì tiến bước, cuối cùng ta cũng sẽ chạm tới đỉnh cao. Mỗi ngày cố gắng một chút, mỗi ngày tiến bộ một chút, chính là cách con người rút ngắn quãng đường đến mục tiêu.

Vì thế, đừng nản lòng khi chưa thấy kết quả ngay lập tức. Phần thưởng không nằm ở những bước đi đầu tiên mà chờ đợi ở điểm cuối của hành trình, dành cho những ai đủ kiên nhẫn và bền bỉ để đi đến cùng.

(Ngữ liệu tham khảo, phong cách nghị luận truyền cảm hứng)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định **phương thức biểu đạt chính** của văn bản trên.

Câu 2. Trong văn bản, tác giả đã sử dụng những **hình ảnh** nào để diễn tả quá trình rèn luyện và nỗ lực của con người? Hãy chỉ ra các hình ảnh đó.

Câu 3. Nêu **tác dụng của biện pháp tu từ so sánh** trong câu văn:

“Thành công không đến trong một sớm một chiều. Nó giống như việc leo lên một ngọn núi cao, từng bước chân nhỏ bé tưởng như không đáng kể nhưng nếu kiên trì tiến bước, cuối cùng ta cũng sẽ chạm tới đỉnh cao.”

Câu 4. Vì sao tác giả cho rằng **chỉ khi dám tiến lên và chấp nhận thử thách, con người mới có thể trưởng thành?**

Câu 5. Văn bản giúp anh/chị hiểu gì về **mối quan hệ giữa sự cố gắng từng ngày và thành công cuối cùng?**

Câu 6. Từ nội dung văn bản, anh/chị hãy **rút ra một bài học có ý nghĩa cho bản thân**

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Từ văn bản trên, anh/chị hãy viết một bài văn(khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của sự bền chí trong quá trình chinh phục thành công của con người.

GỢI Ý

I. Đọc hiểu

Câu 1.

Phương thức biểu đạt chính: → Nghị luận (có kết hợp tự sự và biểu cảm)

Câu 2.

Những hình ảnh diễn tả sự rèn luyện, nỗ lực của con người:

- Hình ảnh con ngựa chiến vượt dốc cao, đường gập ghềnh sỏi đá.
- Hình ảnh con người dám tiến lên, chấp nhận va đập và tổn thương.
- Hình ảnh leo lên ngọn núi cao với những bước chân nhỏ bé nhưng bền bỉ.

→ Các hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng cho quá trình phấn đấu, kiên trì vượt thử thách trong cuộc sống.

Câu 3.

-Chỉ ra bff: Thành công - leo lên một ngọn núi cao

-Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh:

- Làm cho con đường đến thành công trở nên cụ thể, sinh động, dễ hình dung.
- Nhấn mạnh rằng thành công được tạo nên từ những nỗ lực nhỏ bé nhưng liên tục.
- Tăng tính thuyết phục và giá trị biểu cảm cho lập luận của tác giả.

Câu 4.

Vì sao tác giả cho rằng chỉ khi dám tiến lên và chấp nhận thử thách, con người mới có thể trưởng thành?

- Vì thử thách giúp con người rèn luyện ý chí, bản lĩnh và nghị lực sống.
- Chỉ khi đối mặt với khó khăn, con người mới nhận ra và phát huy khả năng tiềm ẩn của bản thân.
- Né tránh thử thách khiến con người dậm chân tại chỗ, không thể phát triển.

Câu 5.

Mối quan hệ giữa sự cố gắng từng ngày và thành công cuối cùng:

- Thành công không đến ngay lập tức mà là kết quả của quá trình nỗ lực bền bỉ mỗi ngày.
- Mỗi cố gắng nhỏ đều góp phần tạo nên thành quả lớn lao về lâu dài.
- Kiên trì chính là yếu tố quyết định để con người đi đến đích cuối cùng.

Câu 6. (Đoạn văn tham khảo)

Văn bản giúp tôi nhận ra rằng trong cuộc sống, muốn đạt được thành công, con người cần có ý chí và sự kiên trì. Mỗi khó khăn, thử thách không phải để đánh gục ta mà để rèn luyện bản thân trở nên mạnh mẽ hơn. Chỉ khi dám đối mặt với thử thách và không ngừng cố gắng từng ngày, con người mới có thể tiến gần hơn tới mục tiêu và hoàn thiện chính mình.

II. Viết

*Mở bài

- Dẫn dắt từ văn bản: hình ảnh con người phải đối diện với thử thách, nỗ lực từng ngày để đi đến đích cuối cùng.
- Nêu vấn đề nghị luận: **sự bền chí có ý nghĩa quan trọng trong quá trình chinh phục thành công của con người.**

*Thân bài

1. Giải thích

- **Bền chí:** là sự kiên trì, nhẫn nại, không bỏ cuộc trước khó khăn, thất bại; luôn giữ vững mục tiêu và quyết tâm theo đuổi đến cùng.
- **Thành công:** là việc đạt được mục tiêu, ước mơ, giá trị mà con người hướng tới trong học tập, công việc và cuộc sống.
→ Bền chí là **yếu tố nền tảng** giúp con người đi từ điểm xuất phát đến đích cuối cùng của thành công.

2. Ý nghĩa của sự bền chí trong quá trình chinh phục thành công

a. Bền chí giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách

- Cuộc sống luôn đầy trở ngại; nếu thiếu bền chí, con người dễ nản lòng và bỏ cuộc giữa chừng.
- Bền chí giúp con người đủ nghị lực để đứng dậy sau thất bại và tiếp tục bước đi.

b. Bền chí là điều kiện để tích lũy thành công lâu dài

- Thành công không đến từ nỗ lực nhất thời mà là kết quả của sự cố gắng đều đặn mỗi ngày.
- Những tiến bộ nhỏ bé, nếu được duy trì liên tục, sẽ tạo nên kết quả lớn lao.

c. Bền chí giúp con người hoàn thiện nhân cách và bản lĩnh sống

- Quá trình kiên trì rèn luyện giúp con người trở nên mạnh mẽ, tự tin và trưởng thành hơn.
- Người có bền chí thường có ý chí vững vàng, không dễ bị hoàn cảnh chi phối.

3. Dẫn chứng, liên hệ

- Trong học tập: học sinh kiên trì học tập, rèn luyện từng ngày sẽ đạt kết quả tốt.
- Trong cuộc sống: nhiều người thành công từng trải qua nhiều thất bại nhưng không bỏ cuộc.
- Liên hệ bản thân: cần rèn luyện sự bền chí để theo đuổi mục tiêu lâu dài.

4. Phản đề

- Phê phán lối sống thiếu kiên trì, dễ nản lòng, ngại khó, ngại khổ.
- Chỉ ra hậu quả: dễ thất bại, không đạt được mục tiêu, sống thiếu ý nghĩa.

*. Kết bài

- Khẳng định lại ý nghĩa to lớn của sự bền chí trong hành trình chinh phục thành công.
- Rút ra bài học: mỗi người cần nuôi dưỡng ý chí, kiên trì nỗ lực từng ngày để vươn tới thành công và hoàn thiện bản thân.